

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 498/2025/HS-PT

Ngày 09/6/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Phạm Việt Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 344/2025/TLPT-HS ngày 10 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Hữu N. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

*** Bị cáo có kháng cáo:** Nguyễn Hữu N, sinh năm 1963, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp trước khi phạm tội Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã N4; trình độ văn hóa 12/12; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 110-QĐ/UBKT ngày 29 tháng 11 năm 2024 của U, tỉnh Ninh Bình; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G (đã chết) và bà Trần Thị T; có vợ: Nguyễn Thị L và 04 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu N, sinh năm 1963 trú tại: Xóm Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình là Chủ tịch hội đồng quản trị Hợp tác xã N4 từ năm 2010, địa chỉ trụ sở tại xóm D T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, ngành nghề chính là dịch vụ trồng trọt, ngoài ra Nghị lái máy cày, máy gặt, sấy lúa thuê cho các hộ dân trên địa bàn xã.

Từ năm 2021 đến năm 2022, lợi dụng chính sách hỗ trợ nông nghiệp theo các Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 và Nghị quyết số 113/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh N quy định

chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức sản xuất tiên tiến, bền vững trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2019-2020 đến hết năm 2021; Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Y về xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu huyện Y giai đoạn 2021-2025, Nguyễn Hữu N đã có hành vi lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ và đã nâng khống giá mua máy nông nghiệp cao hơn thực tế để chiếm đoạt ngân sách Nhà nước với tổng số tiền 193.835.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 12/12/2018, Hội đồng nhân dân tỉnh N ban hành Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND (viết tắt là Nghị quyết số 39/NQ) quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức sản xuất tiên tiến, bền vững trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2019-2020. Trong đó: Hỗ trợ cơ giới hóa nông nghiệp, gồm mua sắm máy móc, thiết bị nông nghiệp và phục vụ nông nghiệp; ưu tiên cấy lúa, sơ chế, sấy, bảo quản nông sản, với mức hỗ trợ 50% kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị, tối đa không quá 150 triệu đồng/máy. Hỗ trợ cho đối tượng là: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ trang trại, hộ gia trại thời gian thực hiện hết năm 2019. Ngày 09/12/2020, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị Quyết số 113/2020/NQ-HĐND (viết tắt là Nghị quyết số 113/NQ) về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND, thời gian thực hiện đến hết năm 2021, hình thức hỗ trợ sau đầu tư.

Tại Hướng dẫn số 1919/SNN-KHTC ngày 11/8/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh N, quy định quy trình thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 113/NQ-HĐND của HĐND tỉnh cụ thể như sau:

- Các tổ chức, cá nhân trong diện đối tượng được hỗ trợ theo Nghị quyết 113 (gồm doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ trang trại, hộ gia trại) có nhu cầu mua máy nông nghiệp viết đơn đề nghị hỗ trợ thực hiện mô hình mua máy nông nghiệp gửi đến UBND xã, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện kèm theo Bản thuyết minh thực hiện mô hình, dự án.

- Phòng Nông nghiệp huyện phối hợp với đại diện Sở Nông nghiệp, Sở Tài chính, UBND xã nơi có mô hình, dự án tiến hành kiểm tra điều kiện về quy mô sản xuất, nội dung hỗ trợ, đối tượng hỗ trợ...; lập biên bản kiểm tra điều kiện mô hình, dự án của tổ chức, cá nhân đã đề nghị hỗ trợ.

- Các tổ chức, cá nhân tự khảo sát, bỏ tiền ra mua máy nông nghiệp và thu thập các hồ sơ liên quan đến việc mua máy (báo giá, hợp đồng mua máy, hóa đơn, phiếu kiểm định, phiếu xuất kho, phiếu thu tiền...), lập báo cáo đánh giá hiệu quả mô hình gửi đến UBND xã và Phòng Nông nghiệp huyện để đề nghị nghiệm thu.

- Phòng Nông nghiệp huyện phối hợp với đại diện Sở Nông nghiệp, Sở tài chính, UBND xã nơi có mô hình, dự án tiến hành kiểm tra, lập biên bản nghiệm thu mô hình, dự án hoàn thành đề nghị hỗ trợ. Căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ, Sở Nông nghiệp tổ chức thẩm định, lấy ý kiến góp ý của Sở T5, ban hành quyết định

hỗ trợ kinh phí sau đầu tư đối với các mô hình, dự án, gửi Sở tài chính để thông báo cấp phát kinh phí.

Sau khi được UBND xã K quán triệt, triển khai về chính sách hỗ trợ máy nông nghiệp theo Nghị quyết 39/NQ và Nghị quyết 113/NQ, Nguyễn Hữu N đã biết rõ về chính sách hỗ trợ của UBND tỉnh đối với máy cấy, máy sấy lúa sẽ được hỗ trợ tối đa 50% kinh phí mua máy nhưng không quá 150.000.000 đồng/máy nên N đã nảy sinh ý định nâng không giá mua máy nhằm nhận được tối đa tiền hỗ trợ từ ngân sách của Nhà nước. Đầu năm 2021 Nguyễn Hữu N đứng tên HTX N4 đăng ký với UBND xã K việc thực hiện mô hình, dự án mua 01 máy cấy và 01 máy sấy lúa và làm hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định.

Căn cứ đơn đề nghị của HTX N4, UBND xã K đã làm Tờ trình gửi UBND huyện Y qua Phòng Nông nghiệp về việc hỗ trợ mua 01 máy cấy và 01 máy sấy cho HTX N4 theo Nghị quyết 113. Ngày 01/02/2021, UBND huyện Y đã có Tờ trình số 34/TTr-UBND về việc đề nghị phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện mô hình theo Nghị quyết 113 và thuyết minh gửi kèm theo hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến Sở Nông nghiệp trong đó xã K đăng ký thực hiện mô hình hỗ trợ 01 máy cấy lúa và 01 máy sấy lúa, đề nghị hỗ trợ kinh phí 300.000.000 đồng. Ngày 27/7/2021, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 780/QĐ-UBND về việc phân bổ kinh phí thực hiện các mô hình, dự án theo chính sách hỗ trợ của Nghị quyết 113 (đợt 1).

Căn cứ theo Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của UBND tỉnh, Phòng Nông nghiệp đã chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp, UBND xã K tổ chức kiểm tra điều kiện thực hiện dự án tại UBND xã K. Đoàn kiểm tra điều kiện gồm có: Sở Nông nghiệp là ông Phạm Hồng S - Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính; Phòng Nông nghiệp là ông Trần Ngọc D - Trưởng phòng, ông Nguyễn Mạnh T1 - Phó Trưởng phòng và bà Ngô Phương T2 - Viên chức; UBND xã K là ông Phạm Văn T3 - Chủ tịch UBND xã và Nguyễn Hữu N - đại diện HTX N4. Đoàn kiểm tra không xuống kiểm tra thực tế cơ sở vật chất và các điều kiện khác để thực hiện mô hình, dự án mà làm việc tại trụ sở UBND xã K và nghe Nguyễn Hữu N trình bày sau đó lập biên bản thống nhất nội dung HTX Khánh Hội đủ điều kiện được hỗ trợ 01 máy cấy lúa, 01 máy sấy lúa và đề nghị HTX N4 sớm mua máy và hoàn thiện thủ tục thanh toán theo quy định của Nhà nước.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện dự án do UBND xã K không bố trí được địa điểm đặt máy sấy, các thành viên hội đồng quản trị HTX N4 thống nhất không làm mô hình máy cấy, máy sấy lúa nữa. Do có nhu cầu sử dụng máy sấy và máy cấy phục vụ sản xuất và kinh doanh nên Nguyễn Hữu N đã báo cáo xin thay đổi đối tượng thực hiện dự án từ Hợp tác xã Khánh Hội sang hộ gia đình đứng tên cá nhân Nguyễn Hữu N và làm lại đơn đề nghị gửi UBND huyện Y để được hỗ trợ và được đồng ý.

Để được thực hiện mô hình, tháng 10/2021, dự án Nghị đến cửa hàng bán máy nông nghiệp Ngát N1 do ông Phạm Đăng N2, sinh năm 1959, là chủ Cửa hàng máy nông nghiệp Ngát Nhung, địa chỉ tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

mua 01 máy cấy lúa (máy cũ đã qua sử dụng) nhãn hiệu Kubota - Japan mã hiệu SPU60 với giá 122.500.000 đồng.

Ngoài ra đối với 01 máy sấy lúa: vào ngày 25/9/2021 Nghị đến Công ty cổ phần T6, địa chỉ tại khu công nghiệp P, xã P, huyện C, thành phố Hà Nội mua các thiết bị của 01 máy sấy lúa như thiết bị quạt, sàng đột lỗ mạ kẽm, thanh ghi lò, đồng hồ nhiệt, gạch chịu lửa, bột xây, nước thủy tinh, van quạt sấy hết 49.030.000 đồng; mua một số thiết bị khác như mua quạt hút gió, ống dẫn khí, sắt hộp, công thợ hàn, lắp ráp, tiền thuê xe vận chuyển... của một số cá nhân, cửa hàng trên địa bàn huyện Y hết 36.100.000 đồng; mua động cơ hết 15.000.000 đồng; tiền công hàn sản máy sấy hết 10.000.000 đồng; thanh toán tiền công lắp đặt cho Phạm Đăng N2 hết 6.000.000 đồng. Tổng chi phí N mua máy sấy lúa là 116.130.000 đồng.

Khi mua máy Nguyễn Hữu N đặt vấn đề nhờ ông N2 thiết lập hồ sơ mua bán máy cấy là máy mới với giá 350.000.000 đồng/máy, bản thân ông N2 không biết về các chính sách hỗ trợ và không biết việc N sử dụng hóa đơn mua bán không đúng thực tế để làm gì nhưng vì muốn bán được máy cấy cho N và thu tiền bán hóa đơn nên đồng ý lập hồ sơ theo yêu cầu của N và thống nhất với N thu tiền hóa đơn là 5% giá trị hàng hóa trên hóa đơn tương ứng với số tiền 17.500.000 đồng. Đồng thời N đặt vấn đề nhờ ông N2 lập không thêm một bộ hồ sơ mua bán 01 máy sấy lúa mới với giá 300.000.000 đồng, vì muốn lấy thêm tiền bán hóa đơn nên Ngát nhận lời lập không cho N bộ hồ sơ mua bán 01 máy sấy lúa và thỏa thuận thu tiền hóa đơn là 5% giá trị hàng hóa trên hóa đơn tương ứng với số tiền 15.000.000 đồng. Sau đó N2 đã cung cấp hồ sơ bán 01 máy cấy, 01 máy sấy cho N (BL 454-461; 521-551).

Tổng số tiền N phải trả cho N2 khi mua 01 máy cấy lúa, tiền công thuê lắp đặt máy sấy lúa, tiền mua 02 hóa đơn là 161.000.000 đồng, N đã thanh toán trước cho N2 số tiền 40.000.000 đồng bằng tiền mặt và nợ lại số tiền 121.000.000 đồng.

Sau khi đã hoàn thiện hồ sơ mua bán “không”, N mang hồ sơ đến Phòng Nông nghiệp nộp và được bà Ngô Phương T2 là viên chức Phòng Nông nghiệp hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ gồm: Thuyết minh mô hình hỗ trợ và Báo cáo đánh giá hiệu quả mô hình. Ngoài ra, theo hướng dẫn của bà T2, N mang 02 biên bản giao nhận và nghiệm thu máy cấy, máy sấy cho ông Phạm Văn T3 - Chủ tịch UBND xã K và ông Nguyễn Trung V - Phó Chủ tịch UBND xã K ký xác nhận rồi đưa vào hồ sơ nộp cho Phòng Nông nghiệp.

Đến ngày 19/11/2021, Phòng Nông nghiệp đã chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp, UBND xã K tổ chức kiểm tra nghiệm thu hoàn thành dự án tại hộ gia trại Nguyễn Hữu N. Đoàn kiểm tra gồm có: Sở Nông nghiệp là bà Phạm Thị N3 - Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ tổng hợp và bà Lê Thị Phương L1 - Chuyên viên Phòng K; Phòng Nông nghiệp huyện Y: Ông Trần Ngọc D, ông Nguyễn Mạnh T1 và bà Ngô Phương T2; UBND xã K là Ông Phạm Văn T3 - Chủ tịch UBND xã và Nguyễn Hữu N. Quá trình kiểm tra đoàn đã ghi nhận: hộ gia trại Nguyễn Hữu

N đã mua 01 máy cấy lúa, số hiệu máy SPU60 - số khung 500557 và 01 máy sấy lúa, cả hai máy đều là máy mới 100% và máy vận hành tốt, Hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán đầy đủ theo quy định và thống nhất nghiệm thu, hỗ trợ cho hộ gia đình Nguyễn Hữu N.

Sau khi có kết quả nghiệm thu, Phòng Nông nghiệp huyện Y đã lập tờ trình số 72/TTr-NN&PTNT ngày 09/12/2021 về việc đề nghị cấp kinh phí thực hiện mô hình theo Nghị quyết 113 của HĐND tỉnh N năm 2021 (đợt 1) gửi UBND huyện Y. Trên cơ sở đó, ngày 13/12/2021, UBND huyện Y đã có Tờ trình số 405/TTr-UBND gửi Sở Nông nghiệp và Sở T5 về việc đề nghị cấp kinh phí thực hiện mô hình theo Nghị quyết 113 của HĐND tỉnh N năm 2021 (đợt 1) kèm theo hồ sơ đề nghị hỗ trợ của hộ gia đình Nguyễn Hữu N cùng một số hợp tác xã, cá nhân khác trên địa bàn huyện Y.

Căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ của hộ gia đình Nguyễn Hữu N do UBND huyện Y trình lên, Sở Nông nghiệp đã tiến hành thẩm định theo giá trị máy thể hiện trong hồ sơ rồi ban hành Văn bản số 114/SNN-KHTC ngày 18/01/2022 gửi đến Sở T5 đề nghị góp ý. Xét thấy hồ sơ đề nghị hỗ trợ của Nguyễn Hữu N đã đầy đủ các tài liệu theo Hướng dẫn số 1919/SNN-KHTC, Sở T5 đã ban hành văn bản số 224/STC-NS ngày 24/01/2022 đề nghị Sở Nông nghiệp phối hợp với UBND huyện Y xem xét quyết định phê duyệt hỗ trợ sau đầu tư. Ngày 24/01/2022, Sở Nông nghiệp đã ban hành Quyết định số 45/QĐ-SNN về việc hỗ trợ kinh phí sau đầu tư thực hiện mô hình, dự án theo Nghị quyết 113 cho UBND huyện Y, trong đó quyết định mô hình hỗ trợ 01 máy cấy lúa và 01 máy sấy của hộ gia đình Nguyễn Hữu N được hỗ trợ số tiền 300.000.000 đồng từ nguồn ngân sách tỉnh năm 2021. Sở T5 đã ban hành thông báo số 79/TB-STC-NS ngày 24/01/2022 về việc cấp bổ sung ngân sách năm 2021 cho UBND huyện Y để hỗ trợ sau đầu tư thực hiện Nghị quyết 113 và chuyển kinh phí hỗ trợ vào tài khoản của UBND huyện Y tại Kho bạc Nhà nước huyện Y.

Đến ngày 25/01/2022, UBND huyện Y đã ban hành Quyết định số 70/QĐ-UBND về việc chuyển tiền hỗ trợ cho các Hợp tác xã, cá nhân trên địa bàn huyện. UBND xã K đã thông báo, yêu cầu N cung cấp hồ sơ đề nghị hỗ trợ bản gốc cho UBND xã K để làm thủ tục thanh toán chuyển tiền hỗ trợ. Sau khi Nghi nộp hồ sơ gốc, UBND xã K đã lập Giấy rút dự toán ngân sách Nhà nước để chuyển khoản tiền hỗ trợ 300.000.000 đồng từ tài khoản của UBND xã K đến tài khoản của N số 3306205139819 mở tại Ngân hàng N5 - Chi nhánh huyện Y. Khi có tiền hỗ trợ N đã chuyển khoản tiền mua máy và mua hóa đơn cho Phạm Đăng N2 số tiền là 121.000.000 đồng. Còn lại số tiền 179.000.000 đồng, N đã ra ngân hàng A để rút tiền mặt sử dụng để trả tiền mua vật tư, trả tiền xây dựng lò sấy lúa.

Ngày 28/10/2022, UBND huyện Y xây dựng Đề án số 01/ĐA-UBND xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu huyện Y giai đoạn 2021-2025, trong đó hỗ trợ thực hiện đề án sản xuất lúa hữu cơ, hỗ trợ cơ giới hoá nông nghiệp đồng bộ: các loại máy cấy, máy làm đất đa năng, máy bơm vô ống...quy

định hỗ trợ 10 máy cấy lớn tối đa không quá 70 triệu/dàn máy nhưng không vượt quá 29% tổng giá trị dàn máy. Đối tượng được hỗ trợ là: tổ chức và cá nhân, thời gian thực hiện từ năm 2021- 2025. Ngày 10/11/2022, Hội đồng nhân dân huyện Y ban hành Nghị quyết số 74/NQ-HĐND phê duyệt Đề án số 01 nêu trên, có hiệu lực từ ngày ban hành.

Để thực hiện Nghị quyết 74 của HĐND huyện, Phòng Nông nghiệp huyện Y đã tiến hành thống kê, rà soát hồ sơ đã được cấp kinh phí hỗ trợ theo Nghị quyết 113 của HĐND tỉnh trên địa bàn huyện Y, căn cứ Hồ sơ đề nghị hỗ trợ 01 máy cấy lúa và 01 máy sấy lúa theo Nghị quyết 113 của Nguyễn Hữu N đã được kiểm tra và nghiệm thu trong năm 2021 xác định Nguyễn Hữu N đủ điều kiện được nhận kinh phí hỗ trợ mua 01 máy cấy theo Nghị quyết 74. Ngày 27/12/2022, Phòng Nông nghiệp đã có Tờ trình số 33/TTR-NN&PTNT về việc cấp kinh phí hỗ trợ mua máy cấy phục vụ sản xuất theo Nghị quyết 74, trong đó đề nghị hỗ trợ cho hộ gia đình Nguyễn Hữu N mua 01 máy cấy lúa số tiền 70.000.000 đồng. Căn cứ Tờ trình số 33/TTR-NN&PTNT của Phòng Nông nghiệp, ngày 31/12/2022, UBND huyện Y đã ban hành Quyết định số 914/QĐ-UBND về việc cấp kinh phí năm 2022 trong đó hỗ trợ hộ gia đình Nguyễn Hữu N mua 01 máy cấy lúa số tiền 70.000.000 đồng và giao Phòng Tài chính thực hiện. Phòng Tài chính huyện Y đã ban hành Thông báo số 26/TB-TCKH ngày 10/01/2023 về việc cấp kinh phí năm 2022 cho các xã và chuyển giao số tiền hỗ trợ cho UBND xã K trong đó có nêu hỗ trợ cho hộ Nguyễn Hữu N. UBND xã K đã thông báo cho Nguyễn Hữu N để N cung cấp hồ sơ đề nghị hỗ trợ 01 máy cấy lúa theo Nghị quyết 74. Nghị đã tiếp tục sử dụng bộ hồ sơ không đúng thực tế đã lập trước đó để được nhận tiền hỗ trợ theo Nghị quyết 113 (đợt 1) mà N đang lưu giữ tại nhà, photocopy ra rồi trình lên UBND xã K. Ngày 16/01/2023, UBND xã K đã lập Giấy rút dự toán ngân sách Nhà nước để chuyển khoản tiền hỗ trợ 70.000.000 đồng từ tài khoản của UBND xã K đến tài khoản của Nguyễn Hữu N số 3306205139819 mở tại Ngân hàng N5 - Chi nhánh huyện Y). Khi có tiền hỗ trợ, N đã ra Ngân hàng N5 chi nhánh huyện Y để rút tiền mặt. Số tiền này được N sử dụng để bù vào chi phí xây dựng nhà kho để hệ thống máy sấy lúa tại nhà mình.

Như vậy, Nguyễn Hữu N đã trực tiếp mua 01 máy cấy lúa với giá 122.500.000 đồng, 01 máy sấy lúa với giá 116.130.000 đồng và chi phí để Phạm Đăng N2 xuất bán 02 hoá đơn bán hàng là 32.500.000 đồng sau đó lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ nâng giá trị mua 01 máy cấy lúa lên 350.000.000 đồng, 01 máy sấy lúa lên 300.000.000 đồng, tổng là 650.000.000 đồng để được nhận kinh phí hỗ trợ của Nhà nước là 370.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại Nghị quyết 113 của HĐND tỉnh và ý kiến xác định của Sở Tài chính, UBND huyện Y thì số tiền Nguyễn Hữu N được hưởng hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với 01 máy cấy lúa và 01 máy sấy lúa theo giá trị mua thực tế là 135.565.000 đồng $(122.500.000 + 116.130.000 + 32.500.000) \times 50\%$). Căn cứ quy định tại Nghị quyết 74 của HĐND huyện Y và ý kiến xác định của UBND huyện Y, số tiền Nguyễn Hữu N được hưởng hỗ trợ từ ngân sách huyện đối với 01 máy cấy lúa theo giá trị mua thực tế là 40.600.000 đồng $(140.000.000 \text{ đồng} \times 29\%)$. Tổng số tiền Nguyễn Hữu N được

hỗ trợ theo quy định là 176.165.000 đồng (135.565.000 + 40.600.000), chênh lệch giữa số tiền được hưởng theo giá trị máy đã nâng “không” so với số tiền được hưởng đúng quy định theo giá trị máy thực tế, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là $370.000.000 - 176.165.000 = 193.835.000$ đồng.

* Đối với các chứng cứ, tài liệu đã thu giữ do bị can giao nộp, tài liệu do các cơ quan, tổ chức cung cấp liên quan đến vụ án được chuyển theo hồ sơ giải quyết cùng vụ án.

* Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra Nguyễn Hữu N đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền 193.835.000 đồng đã chiếm đoạt của Nhà nước để khắc phục hậu quả (do sức khỏe yếu N đưa tiền cho anh Nguyễn Hữu U - con trai đi nộp thay). Cơ quan Cảnh sát điều tra đã nộp số tiền Nghị khắc phục vào tài khoản tạm giữ mở tại kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh Bình để chuyển theo hồ sơ vụ án xử lý theo quy định.

Bà Đinh Thị Mỹ H - Phó Giám đốc Sở T5 được UBND tỉnh N cử làm đại diện tham gia tố tụng với tư cách bị hại. Bà H đã thay mặt UBND tỉnh N yêu cầu bị can Nguyễn Hữu N phải bồi thường số tiền 164.435.000 đồng đã chiếm đoạt cho ngân sách Nhà nước.

Ông Bùi Văn T4 - Phó Trưởng Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Y được UBND huyện Y cử làm đại diện tham gia tố tụng với tư cách bị hại. Ông T4 đã thay mặt UBND huyện Y yêu cầu bị can Nguyễn Hữu N phải bồi thường số tiền 29.400.000 đồng đã chiếm đoạt cho ngân sách Nhà nước.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu N phải trả lại tổng số tiền đã chiếm đoạt là 193.835.000 đồng, cụ thể:

- Trả lại cho Ngân sách tỉnh Ninh Bình số tiền là 163.435.000đ (*một trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) thông qua Ủy ban nhân dân tỉnh N.

- Trả lại cho Ngân sách huyện Y, tỉnh Ninh Bình số tiền là 29.400.000đ (*hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng*) thông qua Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Hữu N đã nộp số tiền 193.835.000 đồng (số tiền trên hiện đang quản lý tại tài khoản số 3949.0.1054125.00000 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình tại Kho bạc Nhà nước tỉnh N theo ủy nhiệm chi số 01 ngày 09/12/2024) để khắc phục hậu quả.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 14/01/2025, bị cáo Nguyễn Hữu N kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Hữu N giữ nguyên kháng cáo, thành khẩn nhận tội, thể hiện sự ăn năn hối cải, sau khi bị tai nạn sọ vẫn chưa liền, sức khoẻ yếu, nhiều lúc không tự phục vụ được. Xin được hưởng án treo để có cơ hội cải tạo ngoài xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, hình thức nội dung phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Hữu N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Bị cáo được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có đơn xin của gia đình, có xác nhận của chính quyền địa phương về điều kiện hoàn cảnh của bị cáo. Bị cáo bị khuyết sọ ảnh hưởng đến sức khoẻ và khả năng tự chăm sóc bản thân. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự; điểm b Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu N trong hạn luật định, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu N, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận bị cáo lợi dụng chính sách hỗ trợ kinh phí để xây dựng nông thôn mới, cơ giới hoá nông nghiệp đồng bộ. Bị cáo đã đăng ký với tư cách hộ gia trại cá nhân. Sau đó tự bị cáo đi mua máy cũ về kê khai giấy tờ là máy mới để bộ phận cấp tiền tưởng giả là thật, hỗ trợ tiền máy mới để chiếm đoạt tiền chênh lệch giữa máy cũ và máy mới là 193.835.000 đồng. Do đó, Toà án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; đã cùng gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của ngân sách Nhà nước để khắc phục hậu quả; bản thân bị cáo N được tặng nhiều giấy khen: năm 2017 Nghị được UBND xã K tặng giấy khen trong phong trào xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2016, năm 2021 được UBND xã K tặng Giấy khen trong phong trào thi đua năm 2020; năm 2009, 2010, 2011, 2019 được Đảng bộ xã K tặng giấy khen do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Ngoài ra, tháng 11/2023, N bị tai nạn giao thông chấn thương sọ não, phải phẫu thuật ghép sọ tại Bệnh viện H1 (có bệnh án kèm theo), đến nay tình trạng sức khỏe của bị cáo vẫn chưa ổn định và vẫn phải tiếp tục điều trị; bị cáo có bố vợ là liệt sỹ, có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhân thân tốt nên Toà án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp. Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có đơn xin của gia đình, trình bày hoàn cảnh của bị cáo bị tai nạn giao thông, khuyết sọ, không tự chăm sóc được bản thân, có xác nhận của chính quyền địa phương; Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo là người cao tuổi, bị khuyết sọ ảnh hưởng đến khả năng tự phục vụ bản thân. Đối chiếu với Điều 65 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ để giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án, xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu N; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, như sau:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng, thời hạn kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu N cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong thời gian thử thách của án treo, nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì giải quyết theo Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Công an tỉnh Ninh Bình;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tiến